

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨ THU'  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số 05/2021/HNGĐ-ST**  
**Ngày 02/02/2021**  
**V/v tranh chấp Hôn nhân và**  
**gia đình.**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU' - TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Hà Toàn Thắng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Phạm Đức Hiên, Bà Nguyễn Thị Nhiều.
- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Liên.
- ***Đại diện VKSND huyện Vũ Thu:*** Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thu, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 177/2020/TLST - HNGĐ ngày 12/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1993 ( xin vắng mặt ).  
Địa chỉ: Thôn Tr, xã M, huyện V, tỉnh T.
- Bị đơn: Anh **Phạm Xuân Th**, sinh năm 1979 ( vắng mặt ).  
Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện V, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn ( chị Phạm Thị T) trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th kết hôn do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã X, huyện V, tỉnh T ngày 22/5/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh Th không chịu khó làm ăn, không có chính kiến, hay nghe theo lời mẹ đẻ, xúc phạm và đánh đập chị, ngoài ra do kinh tế khó khăn và vợ chồng bất đồng quan điểm nên không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm giữa chị và anh Th không còn nên xin được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị T và anh Th có 02 con chung là Phạm Thu H, sinh ngày 24/5/2015, và Phạm Thu K, sinh ngày 04/9/2017, ly hôn chị T xin nuôi cháu H và để anh Th nuôi cháu K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Th trình bày: Anh kết hôn với chị T do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã X, huyện V ngày 22/5/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, do con ốm và kinh tế khó khăn nên không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh không muốn nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc vì vậy anh phải chấp nhận ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thu H, sinh ngày 24/5/2015, và Phạm Thu K, sinh ngày 04/9/2017, hiện cháu K đang ở với anh Th, cháu H đang ở với chị T. Ly hôn anh xin nuôi cháu K và đồng ý để chị T nuôi cháu H.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh UBND xã X, huyện V, tỉnh T đã cung cấp như sau:

Chị T và anh Th kết hôn do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã X, huyện V ngày 22/5/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn, do con ốm và vợ chồng bất đồng quan điểm nên không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh Th, địa phương thấy khả năng đoàn tụ của anh chị rất khó, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Về quan hệ con chung: Chị T và anh Th có 02 con chung là Phạm Thu H, sinh ngày 24/5/2015, và Phạm Thu K, sinh ngày 04/9/2017, hiện cháu K đang ở với anh Th, cháu H đang ở với chị T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con như thực trạng hiện nay. Chị T và anh Th đều là công nhân có thu nhập, có đủ điều kiện để nuôi con. Về tài sản chung: Chị T và anh Th không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã chấp hành một phần quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 227, 228 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Xuân Th.

- Về con chung: Xử giao cho chị T trực tiếp nuôi con Phạm Thu H, sinh ngày 24/5/2015, giao cho anh Th trực tiếp nuôi con Phạm Thu K, sinh ngày 04/9/2017. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau

- Về tài sản chung : Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Th cư trú tại thôn P, xã X, huyện V, tỉnh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư. Tại phiên tòa anh Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh Th theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th kết hôn do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã X, huyện V ngày 22/5/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn, do con ốm và vợ chồng bất đồng quan điểm nên không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay nhưng anh Th không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cơ sở thôn P, xã X cũng đã hòa giải, động viên nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh Th là phù hợp quy định của luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh Th có 02 con chung là Phạm Thu H, sinh ngày 24/5/2015, và Phạm Thu K, sinh ngày 04/9/2017, hiện cháu K đang ở với anh Th, cháu H đang ở với chị T. Xét thấy chị T và anh Th đều là công nhân có thu nhập, có đủ điều kiện để nuôi con, anh chị đều đề nghị để chị T nuôi con Phạm Thu H và anh Th nuôi con Phạm Thu K, vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự ổn định cuộc sống của con chung cần giao cho chị T trực tiếp nuôi con Phạm Thu H, sinh ngày 24/5/2015, giao cho anh Th trực tiếp nuôi con Phạm Thu K, sinh ngày 04/9/2017. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Xét thấy chị T và anh Th không yêu cầu, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Xuân Th.

2/ Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi con Phạm Thu H, sinh ngày 24/5/2015, giao cho anh Phạm Xuân Th trực tiếp nuôi con Phạm Thu K, sinh ngày 04/9/2017. Chị T và anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị T và anh Th có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Chị T và anh Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Quan hệ về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ □n phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ( Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003939 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, thành án phí ).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện V;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện V;
- UBND xã X, huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký )**

**Hà Toàn Thắng**

